Đại học Đà Nẵng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT



BÁO CÁO nhóm

**THỰC HÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU II**

Danh sách nhóm

1. Nhóm trưởng: Nguyễn Thị Thúy Huyền

2. Nguyễn Hoàng Kim

3. Lê Duy Quốc

4. Võ Đức Tống

***Mục lục:***

[YÊU CẦU: 3](#_Toc179758321)

[Yêu cầu: 4](#_Toc179758322)

[1. Bổ sung kiểu dữ liệu và ràng buộc cho các bảng từ sơ đồ ERD trên theo mẫu dưới đây: 4](#_Toc179758323)

[1.1 . Tên bảng: KHACHHANG 4](#_Toc179758324)

[1.2 . Tên bảng: ĐONATHANG 4](#_Toc179758325)

[1.3 . Tên bảng: NHANVIEN 4](#_Toc179758326)

[1.4 . Tên bảng: CHITIETDADAT 5](#_Toc179758327)

[1.5 . Tên bảng: NHACUNGCAP 5](#_Toc179758328)

[1.6 . Tên bảng: MATHANG 5](#_Toc179758329)

[1.7 . Tên bảng: LOAIHANG 6](#_Toc179758330)

[2. Sử dụng câu lệnh CREATE TABLE để tạo các bảng trong cơ sở dữ liệu từ ERD với các trường, kiểu dữ liệu và ràng buộc từ câu 1. 6](#_Toc179758331)

# YÊU CẦU:

Cơ sở dữ liệu dưới đây được sử dụng để quản lý công tác giao hàng trong một công ty kinh doanh. Các bảng trong cơ sở dữ liệu này được biểu diễn trong sơ đồ dưới đây:

***Trong đó:***

* Bảng NHACUNGCAP lưu trữ dữ liệu về các đối tác cung cấp hàng cho công ty.
* Bảng MATHANG lưu trữ dữ liệu về các mặt hàng hiện có trong công ty.
* Bảng LOAIHANG phân loại các mặt hàng hiện có.
* Bảng NHANVIEN có dữ liệu là thông tin về các nhân viên làm việc trong công ty.
* Bảng KHACHHANG được sử dụng để lưu giữ thông tin về các khách hàng của công ty.
* Khách hàng đặt hàng cho công ty thông qua các đơn đặt hàng. Thông tin chung về các đơn đặt hàng được lưu trữ trong bảng DONDATHANG (Mỗi một đơn đặt hàng phải do một nhân viên của công ty lập và do đó bảng này có quan hệ với bảng NHANVIEN)
* Thông tin chi tiết của các đơn đặt hàng (đặt mua mặt hàng gì, số lượng, giá cả,...) được lưu trữ trong bảng CHITIETDATHANG. Bảng này có quan hệ với hai bảng DONDATHANG và MATHANG

# Yêu cầu:

## Bổ sung kiểu dữ liệu và ràng buộc cho các bảng từ sơ đồ ERD trên theo mẫu dưới đây:

### . Tên bảng: KHACHHANG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| MAKHACHHANG | Char (10) | PRIMARY KEY | Mã khách hàng |
| TENCONGTY | Nvarchar (50) | Not Null | Tên công ty |
| TENGIAODICH | Nvarchar (50) | Not Null | Tên giao dịch |
| DIACHI | Nvarchar (100) | Not Null | Địa chỉ |
| EMAIL | Varchar (25) | Unique | Email |
| DIENTHOAI | Varchar (11) | Unique | Điện thoại |
| FAX | Varchar (10) | Unique | Số fax |

### . Tên bảng: ĐONATHANG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| SOHOADON | Int | PRIMARY KEY | Số Hóa Đơn |
| MAKHACHHANG | Int | FOREIGN KEY | Mã Khách Hàng |
| MANHANVIEN | Int | FOREIGN KEY | Mã Nhân Viên |
| NGAYDATHANG | Date | Not Null | Ngày Đặt Hàng |
| NGAYGIAOHANG | Date |  | Ngày giao hàng dự Kiến |
| NGAYCHUYENHANG | Date |  | Ngày Chuyển Hàng |

### . Tên bảng: NHANVIEN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| MANHANVIEN | Int | PRIMARY KEY | Mã Nhân Viên |
| HO | Nvarcha(20) | Not Null | Họ |
| TEN | Nvarchar(20) | Not Null | Tên |
| NGAYSINH | Date | Not Null | Ngày Sinh |
| NGAYLAMVIEC | Date | Notnull | Ngày Làm Việc |
| DIACHI | Varchar(100) |  | Địa Chỉ |

### . Tên bảng: CHITIETDADAT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| SOHOADON | Int | PRIMARY KEY | Số Hóa Đơn |
| MAHANG | Int | FOREIGN KEY | Mã Hàng |
| GIABAN | Int | NOT NULL | Giá Bán |
| SOLUONG | Int | NOT NULL | Số Lượng |
| MUCGIAMGIA | Decimal(10,2) | Check | Mức Giảm Giá |

### . Tên bảng: NHACUNGCAP

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| MACONGTY | Int | PRIMARY KEY | Mã Công Ty |
| TENCONGTY | Varchar(100) | NOT NULL | Tên Công Ty |
| TENGIAODICH | Varchar(100) | NOT NULL | Tên Giao Dịch |
| DIACHI | Varchar(255) | NOT NULL | Địa Chỉ |
| DIENTHOAI | Varchar(15) | CHECK | Điện Thoại |
| FAX | Varchar(20) | NULL | Fax |

### . Tên bảng: MATHANG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| MAHANG | Varchar(20) | Khóa Chính | Mã mặt hàng |
| TENHANG | Nvarchar(100) | Not Null | Tên mặt hàng |
| MACONGTY | Varchar(20) | Foreign Key | Mã công ty |
| MALOAIHANG | Varchar(20) | Foreign Key | Mã loại hàng |
| SOLUONG | Int | Not Null, >=0 | Số lượng tồn |
| DONVITINH | Varchar(20) | Not Null | Đơn vị tính |
| GIAHANG | Decimal(10,2) | Not Null, >=0 | Giá hàng |

### . Tên bảng: LOAIHANG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Ràng buộc** | **Mô tả** |
| MALOAIHANG | Varchar(20) | Khóa Chính | Mã loại hàng |
| TENLOAIHANG | Nvarchar(100) | Not Null | Tên loại hàng |

## Sử dụng câu lệnh CREATE TABLE để tạo các bảng trong cơ sở dữ liệu từ ERD với các trường, kiểu dữ liệu và ràng buộc từ câu 1.